TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 02 /2019/HNGĐ-ST Ngày14 tháng 3 năm 2019 (V/v ly hôn giữa chị X và anh Đ)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Đán Văn Đ**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lục Thị N**.
2. Ông **Phùng Ngọc T**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Đ** -Thẩm tra viên,Toà án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: **Nguyễn Hồng Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:174/2018 /TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:203/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Bàn Thị X** - Sinh năm:1984; ĐKHKTT: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang; Nơi ở hiện nay: thôn E, xã G , thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, Dân tộc: Dao, nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

2. Bị đơn: anh **Lý Văn Đ** - Sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Dân tộc Dao, nghề nghiệp: Làm ruộng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Cháu **Lý Thị H,** sinh năm 2002, ĐKHKTT: thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang. Nơi ở hiện nay: thôn E, xã G , thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang (có mặt).

Người giám hộ cho cháu Lý Thị H là chị Bàn Thị X (mẹ đẻ), Địa chỉ: thôn E, xã G , thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bàn Thị X trình bày: chị và anh

Lý Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang vào ngày 10/3/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, đến năm 2017 thì phát sinh trầm trọng nguyên nhân là do vay tiền của Ngân hàng anh Đ bị ốm không đi làm để có tiền trả nợ Ngân hàng, anh Đ đã cho chị X đi làm thuê để có tiền trả nợ và trang chải gia đình, sau khi đi làm được một thời gian anh Đ nghi ngờ chị quan hệ ngoại tình với người khác dẫn đến anh Đ chửi bới, súc phạm chị quá đáng đến năm 2018, chị cảm thấy vợ chồng không còn tin tưởng thương yêu nhau nữa và chị đã bỏ nhà đi về quê ngoại sống ly thân với anh Đ, trong thời gian sống ly thân anh Đ không quan tâm đến mà còn cho anh em đến tại nhà đe dọa, chửi bới chị, do vậy chị nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được nếu cố hàn gắn thì cũng không có hạnh phúc. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung:
1/cháu Lý Thị H, sinh ngày 20/9/2002).
2/cháu Lý Thị L, sinh ngày 11/5/2005).
3/cháu Lý Thị L2, sinh ngày 19/4/2015).

Hiên nay cháu Lý Thị H và cháu Lý Thị L2 đang sống với chị tại thôn E, xã G , thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 cháu, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị X giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh Đ, về con chung khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi 03 cháu là cháu Lý Thị H, Lý Thị L, cháu Lý Thị L2 không yêu cầu anh Đ nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản tự khai, ghi ngày 09/01/2019 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Lý Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Đ khai xác định thời gian và điều kiện kết hôn như chị X trình bày là đúng nhưng anh không nhất trí với chị X về sự mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức phải ly hôn, theo anh sự mâu thuẫn đó gia đình nào cũng có thể xảy ra, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến nhau, nay chị X yêu cầu được ly hôn anh không nhất trí anh có mong muốn chị X suy nghĩ và trở về đoàn tụ vợ chồng, gia đình anh sẽ hứa khắc phục sửa chữa những khuyết điểm để hạn chế mâu thuẫn vợ chồng.

Về con chung: anh Đ xác nhận như chị X trình bày là đúng. Nếu chị X cương quyết ly hôn thì anh xin được nuôi cả 03 cháu không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung:Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh Lý X Đ thay đổi ý kiến nhất trí ly hôn với chị Bàn Thị X

Về con chung khi ly hôn anh Đ nhất trí giao 03 cháu là Lý Thị H, Lý Thị L, Lý Thị L2, cho chị X được nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng do anh tự nguyện anh có quyền được thăm con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng;

Nguyên đơn, Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Mâu thuẫn vợ chồng là thực sự trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay nếu cố duy trì cũng không có hạnh phuc. Tại phiên Tòa anh Đ nhất trí ly hôn. Đề nghi HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X, anh Đ theo quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình .

- *Về con chung*:Tại phiên Tòa, anh Đ thỏa thuận giao các cháu cho chị X được nuôi dưỡng giáo duc.Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử chia giao việc nuôi con sau khi chị X, anh Đ ly hôn như sau:

Giao 03 cháu Lý Thị H, sinh ngày 20/9/2002; cháu Lý Thị L, sinh ngày 11/5/2005, cháu Lý Thị L2, sinh ngày 19/4/2015 cho chị Bàn Thị X được nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày 14/3/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung: chị X không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng mà do anh Đ tự nguyện, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị X, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc chị X chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1**]. Về tố tụng:** Đơn khởi kiện của chị Bàn Thị X về việc xin ly hôn với anh Lý Văn Đ được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định theo Bộ luật tố tụng dân sự, không bị khiếu nại tố cáo.

[2]. **Về quan hệ hôn nhân**: chị Bàn Thị X và anh Lý Văn Đ kết hôn ngày 10/3/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang, trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình năm 2000, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc có con chung và có tài sản chung, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2013, nguyên nhân do điều kiện kinh tế gia đình có khó khăn có vay nợ nên phải đi làm thuê để kiếm tiền trả nợ và trang chải gia đình, từ đó anh Đ nghi ngờ chị X có quan hệ ngoại tình, chửi bới súc phạm lẫn nhau, đến tháng 7 năm 2018 chị X không chịu đựng được nữa, anh Đ chửi bới súc phạm nên chị đã bỏ về gia đình bên ngoại tại thôn E, xã G thành phố Hà giang sống ly thân đến nay không quan tâm, chăm sóc thăm hỏi lẫn nhau và có đơn xin ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 quy định.

" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng Chị X và anh Đ là thực tế, họ đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có khắc phục cũng không có hạnh phúc.Tại phiên Tòa anh Đ nhất trí ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận ly hôn của anh Đ là tự nguyện không bị ép buộc đúng quy định của pháp luật. HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị X, anh Đ theo quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình

[3]. **Về con chung:** Trong quá trình chung sống có 03 con chung.

1/cháu Lý Thị H, sinh ngày 20/9/2002;

2/cháu Lý Thị L sinh ngày 11/5/2005;

3/cháu Lý Thị L2, sinh ngày 19/4/2015;

Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đương sự không thống nhất việc chia giao nuôi con chung, mỗi bên đều có quan điểm của mình. Tại phiên Tòa hôm nay anh Đ nhất trí giao các cháu cho chị Bàn Thị X được nuôi dưỡng và giáo dục vì hòan cảnh kinh tế khó khăn và các cháu đã bỏ về ở với chị X ăn ở sinh sống nhằm đảm bảo cuộc sống và sự phát triển của các cháu.HĐXX chấp nhận sự tự nguyên việc giao nuôi con của anh Đ.Giao các cháu Lý Thị H, cháu Lý Thị L, cháu Lý Thị L2 cho chị Bàn Thị X trú tại:thôn E, xã G, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang được nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày 14/3/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

* Về khoản cấp dưỡng nuôi con chung:chị X không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung mà do anh Đ tự nguyện.Tòa án xét thấy điều kiện kinh tế anh Đ hiện nay rất khó khăn không có khả năng kinh tế để cấp dưỡng nuôi con chung nên miễm khoản cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn cho anh Đ và có quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

[4]. **Về Tài sản:** và công nợ chung: chị X và anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. **Về án phí:** Chị X phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6].**Quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51 khoản 1 Điều 56 và Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng:Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bàn Thị X và anh Lý Văn Đ.

*2. **Về con chung:***

Giao các cháu Lý Thị H, sinh ngày 20/9/2002; cháu Lý Thị L, sinh ngày 11/5/2005 và cháu Lý Thị L2, sinh ngày 19/4/2015 cho chị Bàn Thị X, trú tại thôn E, xã G, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang được nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày 14/3/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lý Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Bàn Thị X phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang là 300.000đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 02125 ngày 20/12/2018, chị X đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- UBND xã C, huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đán Văn Đ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lục Thị Nhung **Phùng Ngọc Tuấn** **Đán Văn Đường**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh Hà Giang;*
- *UBND xã C, huyện A;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường